PHỤ LỤC

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Phụ lục 1: ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC: TRỒNG TRỌT - BẢO VỆ THỰC VẬT

I. Mô hình cây hoa

1. Mô hình trồng hoa cẩm chướng

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	200.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	300	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	200	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	250	
5	Phân chuồng	tấn	120	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	300	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO ≥50%
8	$MgSO_4$	kg	100	
9	Phân bón lá	kg(lít)	3	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	8	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

3. Mô hình trồng hoa hồng môn

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Xác nấm	m^3	180	Tỷ lệ phối trộn giá thể xác nấm – phân chuồng – trấu hun là 30%:10%:60%
3	Phân chuồng hoai	m^3	60	
4	Trấu hun	m^3	360	
5	Đạm nguyên chất (N)	kg	720	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng (tính cho 12 tháng)
6	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	600	
7	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	1.440	
8	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥ 50%
9	$MgSO_4$	kg	1.500	
10	Phân bón lá	kg (lít)	2	
11	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

4. Mô hình trồng hoa hồng môn ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Xác nấm	m^3	180	Tỷ lệ phối trộn giá thể xác nấm – phân chuồng – trấu hun là 30%:10%:60%
3	Phân chuồng hoai	m^3	60	
4	Trấu hun	m^3	360	
5	Đạm nguyên chất (N)	kg	240	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
6	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	240	
7	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
8	Phân bón lá	kg (lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

5. Mô hình trồng hoa địa lan

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	50.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Dớn	m^3	450	Tỷ lệ vật liệu giữa dớn – vỏ trấu nung – vỏ thông: 60%:20%:10%
3	Vỏ trấu nung	m^3	150	
4	Vỏ thông	m^3	75	
5	Phân NPK 30-20-10	kg	1.800	
6	Vôi Đôlomit	kg	400	CaO ≥ 30%; MgO ≥15%
7	Phân bón lá	kg (lít)	3	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

6. Mô hình trồng hoa địa lan ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	50.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Dớn	m^3	450	Tỷ lệ vật liệu giữa dớn – vỏ trấu nung – vỏ thông: 60%:20%:10%
3	Vỏ trấu nung	m^3	150	
4	Vỏ thông	m^3	75	
5	Phân NPK 30-20-10	kg	1.800	
6	Vôi Đôlomit	kg	400	CaO ≥ 30%; MgO ≥ 15%
7	Phân bón lá	kg (lít)	3	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

7. Mô hình trồng hoa hồng

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	70.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	300	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	250	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	200	
5	Phân chuồng	tấn	80	Hoai mục
6	Vôi bột	kg	2.000	Hàm lượng CaO ≥ 50%
8	Phân bón lá	kg (lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

tuan

8. Mô hình trồng hoa salem

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	70.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	110	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	120	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	110	
5	Phân chuồng	tấn	60	Hoai mục
6	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO ≥ 50%
7	$MgSO_4$	kg	100	
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo,	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

9. Mô hình trồng hoa cúc

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	500.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	250	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	200	
5	Phân chuồng	tấn	12	Hoai mục
6	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO $\geq$ 50%
7	Tricoderma	kg	10	
8	$MgSO_4$	kg	50	
9	Phân bón lá	kg (lít)	3	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

10. Mô hình trồng hoa cúc ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	550.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
3	Phân chuồng	tấn	12	Hoai mục
4	Tricoderma	kg	10	
5	$MgSO_4$	kg	50	
6	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥50%
7	$Ca(NO_3)_2$	kg	600	
8	KNO_3	kg	300	
9	MAP	kg	80	
10	MKP	kg	400	
11	Phân bón lá	kg (lít)	3	
12	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

11. Mô hình trồng hoa đồng tiền

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	50.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	300	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	200	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	250	
5	Phân chuồng	tấn	120	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	300	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO ≥ 50%
8	$MgSO_4$	kg	100	
9	Phân bón lá	kg (lít)	3	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

12. Mô hình trồng hoa đồng tiền ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	54.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	tấn	120	Hoai mục
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	100	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, K_2O nguyên chất tương ứng
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	100	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	300	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
6	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO ≥ 50%
7	$MgSO_4$	kg	100	
8	Phân NPK 20-20-15	kg	1.000	
9	Phân bón lá	kg (lít)	3	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

13. Mô hình trồng hoa lily

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	150	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	150	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
5	Phân chuồng	tấn	80	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500	Hàm lượng hữu cơ $\geq$ 15%
7	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO $\geq$ 50%
8	Phân bón lá	kg (lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

14. Mô hình trồng hoa lily ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	300.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	tấn	50	Hoai mục
3	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO ≥ 50%
4	NPK 20-20-15	kg	200	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
6	$Ca(NO_3)_2$	kg	45	
7	KNO_3	kg	35	
8	$(NH_4)_2HPO_4$	kg	10	
9	$MgSO_4$	kg	15	
10	Đạm nguyên chất (N)	kg	5	
11	NPK 20-10-10	kg	15	
12	Phân bón lá	kg(lít)	3	
13	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

15. Mô hình trồng hoa cát tường ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	310	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	360	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	440	
5	Phân chuồng	tấn	100	Hoai mục
6	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO $\geq$ 50%
7	Trichoderma	kg	3	
8	Phân bón lá	kg (lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

II. Mô hình cây rau

1. Mô hình trồng súp lơ xanh

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	55.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	140	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	85	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
5	Phân chuồng	tấn	30	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥ 50%
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

2. Mô hình trồng súp lơ xanh công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	55.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	140	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	85	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
5	Phân chuồng	tấn	30	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

3. Mô hình trồng xà lách

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	200.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	48	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
5	Phân chuồng	tấn	25	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	$MgSO_4$	kg	10	
9	Phân bón lá	kg(lít)	2	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	3	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

4. Mô hình trồng xà lách ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	Cây	220.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân NPK 15-5-20	kg	300	
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	49	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, nguyên chất tương ứng.
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	33	
5	Phân chuồng	tấn	25	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	$MgSO_4$	kg	10	
9	Phân bón lá	kg(lít)	2	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	3	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

5. Mô hình trồng xà lách hữu cơ

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	220.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	tấn	30	Hoai mục
3	Bột đá vôi	kg	500	
4	Phân lân nung chảy	kg	300	
5	Vi sinh vật cải tạo đất (Trichoderma)	kg	20	
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.200	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Phân bón lá hữu cơ	kg(lít)	2	
8	Thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ	kg(lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	3	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

6. Mô hình trồng cải bắp

a. Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	35.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	140	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	70	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	150	
5	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

7. Mô hình trồng cải bắp ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	35.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	28	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5 nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	33	
4	NPK 15-5-20	kg	750	
5	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

8. Mô hình trồng cải thảo

a) Phần vật tư

Tính cho 1ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	5	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
5	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
6	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO≥ 50%
7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

9. Mô hình trồng cải thảo ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	45.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	5	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
5	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
6	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO≥ 50%
7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

10. Mô hình trồng cà chua

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	27.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	240	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	90	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	275	
5	Phân Canxibo	kg	50	
6	Chế phẩm Trichoderma	kg	35	
7	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
8	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO≥ 50%
9	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
10	Phân bón lá	kg(lít)	4	
11	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	8	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

11. Mô hình trồng cà chua chery ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	27.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân MKP	kg	80	
3	Phân NPK 15-5-20	kg	1.200	
4	Phân KNO_3	kg	170	
5	Phân Calcium Nitrate	kg	462	
6	$MgSO_4$	kg	260	
7	H_3BO_3	kg	2,3	
8	Chelate Fe	kg	35	
9	Chelate Mn	kg	8,6	
10	Chelate Zn	kg	4,7	
11	Chelate Cu	kg	3,3	
12	Phân Canxibo	kg	50	
13	Chế phẩm Trichoderma	kg	30	
14	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
15	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO≥ 50%
16	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
17	Phân bón lá	kg(lít)	4	
18	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	10	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

12. Mô hình trồng cà chua hữu cơ

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	27.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
3	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
4	Bột đá vôi	kg	1.500	
5	Phân lân nung chảy	kg	600	
6	Phân kali hữu cơ	kg	900	
7	Chất phẩm vi sinh xử lý đất (Trichoderma)	kg	40	
8	Phân bón lá hữu cơ	kg(lít)	4	
9	Thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	10	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

13. Mô hình trồng bó xôi

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	200.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	70	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	110	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	100	
5	Phân $MgSO_4$	kg	20	
6	Phân chuồng	tấn	30	Hoai mục
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
9	Phân bón lá	kg(lít)	2	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	2	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

14. Mô hình trồng bó xôi ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	200.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	87	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi K_2O, P_2O_5 nguyên chất tương ứng.
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	7	
4	Phân NPK 15-15-15	kg	467	
5	Phân $MgSO_4$	kg	20	
6	Phân chuồng	tấn	30	Hoai mục
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
9	Phân bón lá	kg(lít)	2	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	2	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

15. Mô hình trồng bó xôi hữu cơ

a) Phần vật tư

Tính cho 1 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	200.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	tấn	30	Hoai mục
3	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.200	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
4	Bột đá vôi	kg	600	
5	Phân lân nung chảy	kg	600	
6	Chế phẩm vi sinh cải tạo đất (Trichoderma)	kg	20	
7	Phân kali hữu cơ	kg	200	
8	Phân bón lá hữu cơ	kg(lít)	2	
9	Thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ	kg(lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	2	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

16. Mô hình trồng ớt ngọt

a) Phần vật tư

Tính cho 1ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	35.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	160	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	95	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	175	
6	Phân chuồng	tấn	50	Hoai mục
7	Vôi bột	kg	1.200	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
9	Phân bón lá	kg(lít)	4	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	10	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

17. Mô hình trồng ớt ngọt ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	35.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	165	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
6	Phân chuồng	tấn	50	Hoai mục
7	Vôi bột	kg	1.200	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
9	Phân bón lá	kg(lít)	4	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	10	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

18. Mô hình trồng dưa chuột an toàn

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	150	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	90	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	155	
6	Phân chuồng	tấn	20	Hoai mục
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
9	Phân bón lá	kg(lít)	3	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

19. Mô hình trồng dưa leo baby ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	123	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	98	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
6	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
7	Vôi bột	kg	3.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
9	Phân bón lá	kg(lít)	3	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

20. Mô hình trồng dưa chuột hữu cơ

a) Phần vật tư

Tính cho 01ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
3	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
4	Bột đá vôi	kg	1.500	
5	Phân lân nung chảy	kg	600	
6	Phân kali hữu cơ	kg	500	
7	Chế phẩm vi sinh xử lý đất (Trichoderma)	kg	40	
8	Phân bón lá hữu cơ	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

21. Mô hình trồng cà rốt

a) Phần vật tư

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Hạt giống	kg	15	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	150	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	150	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
6	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO≥ 50%
8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
9	Phân bón lá	kg(lít)	3	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

22. Mô hình trồng cà rốt baby ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	75	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	75	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	200	
5	Chế phẩm Trichoderma	kg	50	
6	Phân bón lá	kg(lít)	3	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

23. Mô hình trồng cà rốt hữu cơ

a) Phần vật tư

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	220.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	kg	50	Hoai mục
3	Đá vôi	kg	1.200	
4	Phân hữu cơ sinh học	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
5	Phân lân nung chảy	kg	750	
6	Phân kali hữu cơ	kg	300	
7	Chế phẩm Trichoderma	kg	50	
8	Phân bón lá hữu cơ	kg (lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

24. Mô hình trồng cải củ

a) Phần vật tư

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	kg	15	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	30	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	10	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	35	
5	Phân chuồng	tấn	15	Hoai mục
6	Phân bón lá	kg (lít)	3	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

25. Mô hình trồng đậu Hà Lan

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	200.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	200	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	120	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	150	
5	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
7	Phân lân vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng P_2O_5 > 4%, có ít nhất 1 chủng vi sinh vật
8	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥ 50%
9	Phân bón lá	kg(lít)	3	
10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

26. Mô hình trồng đậu cove

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Hạt giống	kg	60	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	105	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	90	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	200	
5	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ $\geq$ 15%
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO $\geq$ 50%
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

27. Mô hình trồng củ năng hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	củ	20.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	tấn	50	Hoai mục
3	Đá vôi	kg	1.500	
4	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
5	Kali hữu cơ	kg	800	
6	Chế phẩm xử lý ruộng	kg	50	
7	Phân bón lá hữu cơ	kg (lít)	3	
8	Thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	8	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

28. Mô hình trồng bí ngồi ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	15.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	150	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	90	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	200	
5	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
6	Trichoderma	kg	30	
7	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥ 50%
8	Phân bón lá	kg(lít)	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

29. Mô hình trồng hành tây ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	170.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	10	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	7	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	13	
5	Phân chuồng	tấn	1,5	Hoai mục
6	Vôi bột	kg	200	Hàm lượng CaO $\geq$ 50%
7	Phân bón lá	kg(lít)	3	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần
3	Hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	3	

III. Mô hình cây lương thực

1. Mô hình nhân giống lúa chất lượng

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	80	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	72	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	90	
5	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	1	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4,8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	20	

2. Mô hình sản xuất lúa chất lượng

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	120	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	88	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	90	
5	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	1	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4,8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	20	

3. Mô hình sản xuất lúa cạn

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	120	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	69	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	40	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	72	
5	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	1	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	2,8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

4. Mô hình 3 giảm 3 tăng trong sản xuất lúa

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	100	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	72	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	81	
5	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	1	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	2,8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	20	

5. Mô hình ứng dụng hệ thống thâm canh tổng hợp trong sản xuất lúa (SRI)

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	30	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	90	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	62	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	63	
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	550	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
6	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	1	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	20	

6. Mô hình ứng dụng chế phẩm Ometar trong phòng trừ rầy hại lúa

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Chế phẩm	kg	8	
2	Chất bám dính nông dược	lít	1	
3	Thuốc trừ bệnh	kg (lít)	0,8	
4	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	0,8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	20	

7. Mô hình nhân giống lúa lai

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống bố	kg	10	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Giống mẹ	kg	40	
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	120	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	93	
5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	150	
6	KH_2PO4	kg	4,5	
7	GA3: + 3 dòng	gam	250	
8	+ 2 dòng	gam	200	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	5.000	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

8. Mô hình sản xuất lúa lai

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống cấy	kg	35	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Giống sạ hàng	kg	50	
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	88	
5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	102	
6	Thuốc trừ cỏ	kg/lít	1	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg/lít	4,8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

9. Mô hình trồng lúa hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	120	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Lân nung chảy	kg	400	
3	Phân chuồng	tấn	4	Hoai mục
4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.200	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	5	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
6	Đá vôi	kg	500	
7	Phân bón lá hữu cơ	kg (lít)	1	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

10. Mô hình sản xuất hạt giống ngô lai

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống bố mẹ	kg	20	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	161	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	40	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	330	
5	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	170	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	1	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

11. Mô hình sản xuất ngô lai

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	20	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	23	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	120	
5	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	1	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	2,8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

12. Mô hình sản xuất ngô đường (ngô ngọt)

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	12	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	138	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	64	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	150	
5	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	1	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

13. Mô hình nhân giống khoai tây (giống xác nhận)

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	1.200	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	56	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	2,4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

14. Mô hình sản xuất khoai tây

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	1.200	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	150	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	150	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	180	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
6	Vôi bột	kg	2.000	Hàm lượng CaO ≥50%
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	3.000	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

15. Mô hình trồng khoai tây ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Củ giống	củ	1.200	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	430	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	48	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	108	
5	Phân chuồng	tấn	326	Hoai mục
6	Vôi bột	kg	2.000	Hàm lượng CaO ≥50%

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	2	

16. Mô hình sản xuất khoai lang

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Hom giống	kg	1.500	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	90	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	60	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	100	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
6	Vôi bột	kg	500	Hàm lượng CaO ≥50%
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	700	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

17. Mô hình sản xuất khoai sọ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	1.400	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	150	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
6	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥50%
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	1.000	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

18. Mô hình trồng thâm canh sắn bền vững trên đất dốc

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	hom	1.400	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	120	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	55	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	110	
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	3.000	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

19. Mô hình sản xuất đậu tương

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	90	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	40	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	90	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	80	
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

20. Mô hình nhân giống đậu xanh

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	kg	30	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	46	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	60	
4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	72	
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	2.000	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

IV. Mô hình cây ăn quả

1. Mô hình trồng thâm canh cam, quýt theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	1.200	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	60	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	165	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	192	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	288	
	6	Phân sinh học	lít	20	
	7	Vôi bột	kg	600	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	165	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	208	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
	4	Phân sinh học	lít	20	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	220	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	240	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	390	
	4	Phân sinh học	lít	30	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	10	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	220	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	240	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	390	
	4	Phân sinh học	lít	30	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	10	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2)	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 3)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 năm tổng kết 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

2. Mô hình trồng thâm canh cam, quýt xen ổi theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1		***Giống cam, quýt:***			Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	1	Giống trồng mới	cây	1.000	
	2	Giống trồng dặm	cây	50	
		Giống ổi:			Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	3	Giống ổi trồng mới	cây	300	
	4	Giống ổi trồng dặm	cây	15	
Chăm sóc năm thứ 1,2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	138	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	208	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
	4	Phân sinh học	lít	20	
	5	Vôi bột	kg	1.200	Hàm lượng CaO ≥50%
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	138	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	208	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
	4	Phân sinh học	lít	20	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	207	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	240	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	390	
	4	Phân sinh học	lít	30	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lân tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 năm tổng kết 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

3. Mô hình thâm canh cam, quýt theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	240	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	360	
4	Phân sinh học	lít	45	
5	Túi bao quả	cái	160.000	
6	Bả dự tính, dự báo	cái	15	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	10	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

4. Mô hình trồng thâm canh bưởi theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	500	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	25	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
	6	Phân sinh học	lít	15	
	7	Vôi bột	kg	800	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	5	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
	4	Phân sinh học	lít	15	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	5	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	138	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	300	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	500	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	400	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1, 2, 3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

5. Mô hình trồng thâm canh bưởi xen ổi theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống bưởi trồng mới	cây	500	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống bưởi trồng dặm	cây	25	
	3	Giống ổi trồng mới	cây	200	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	4	Giống ổi trồng dặm	cây	10	
	5	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	6	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	7	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	210	
	8	Phân sinh học	lít	15	
	9	Vôi bột	kg	700	Hàm lượng CaO ≥50%
	10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	5	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	210	
	4	Phân sinh học	lít	15	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	5	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	138	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	138	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

6. Mô hình thâm canh bưởi theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	147	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	138	
4	Phân sinh học	lít	30	
5	Túi bao quả	cái	30.000	
6	Bả dự tính, dự báo	cái	15	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

7. Mô hình ghép quả bưởi

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Quả ghép (40 quả/cây)	quả	2.000	
2	Dây ghép	kg	4	
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	138	
6	Phân sinh học	lít	25	
7	Bả dự tính, dự báo	cái	15	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

8. Mô hình trồng thâm canh nhãn, vải, xoài, mít theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	400	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	20	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	69	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	64	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	72	
	6	Phân sinh học	lít	15	
	7	Vôi bột	kg	400	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	69	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	64	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	72	
	4	Phân sinh học	lít	15	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	64	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	168	
	4	Phân sinh học	lít	20	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	64	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	168	
	4	Phân sinh học	lít	20	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

9. Mô hình thâm canh nhãn, vải theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	262	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	99	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	198	
4	Phân sinh học	lít	30	
5	Bả dự tính, dự báo	cái	15	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	14	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

10. Mô hình thâm canh xoài theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	262	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	99	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	198	
4	Phân sinh học	lít	30	
5	Túi bao quả	cái	120.000	
6	Bả dự tính, dự báo	cái	15	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 năm tổng kết 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

11. Mô hình ghép cải tạo: nhãn, vải, xoài

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Mắt ghép (60mắt/cây)	mắt	24.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Dây ghép	kg		
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	55	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	53	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
	6	Phân sinh học	lít	15	
	7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	69	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	64	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	36	
	4	Phân sinh học	lít	20	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	105	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	72	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	96	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	3	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

12. Mô hình trồng thâm canh sầu riêng, măng cụt theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	156	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	8	
	3	NPK 16-16-8	kg	32	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	12	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	36	
	6	Phân Chuồng	tấn	3,12	Hoai mục
	7	Vôi bột	kg	200	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	35	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	32	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	36	
	4	Phân chuồng	tấn	1,56	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	46	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	32	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
	4	Phân chuồng	tấn	1,56	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	65	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	32	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
	4	Phân chuồng	tấn	1,56	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

13. Mô hình thâm canh sầu riêng, măng cụt, mít theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	262	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	99	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	198	
4	Phân chuồng	tấn	3,12	Hoai mục
5	Bả dự tính, dự báo	cái	15	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

14. Mô hình trồng sầu riêng ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	156	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	8	
	3	NPK 16-16-8	kg	32	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	12	
	5	Phân chuồng	tấn	3,12	Hoai mục
	6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	780	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	7	NPK 15-15-6	kg	47	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	NPK 15-15-6	kg	78	
	2	Phân chuồng	tấn	1,56	Hoai mục
	3	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 3	1	NPK 15-15-6	kg	125	
	2	Phân chuồng	tấn	1,56	Hoai mục
	3	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 4	1	NPK 18-11-5	kg	312	
	2	Phân chuồng	tấn	1,56	Hoai mục
	3	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

15. Mô hình trồng xen sầu riêng ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	100	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	5	
	3	NPK 16-16-8	kg	20	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	8	
	5	Phân chuồng	tấn	2,0	Hoai mục
	6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	500	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	7	NPK 15-15-6	kg	30	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	2	
Chăm sóc năm thứ 2	1	NPK 15-15-6	kg	50	
	2	Phân chuồng	tấn	1,0	Hoai mục
	3	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	2	
Chăm sóc năm thứ 3	4	NPK 15-15-6	kg	80	
	5	Phân chuồng	tấn	1,0	Hoai mục
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 4	1	NPK 18-11-5	kg	200	
	2	Phân chuồng	tấn	1,0	Hoai mục
	3	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

16. Mô hình trồng thâm canh sầu riêng hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	156	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	8	
	3	Phân chuồng	tấn	2,5	Hoai mục
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	20	
	5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	375	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	6	Vôi bột	kg	78	Hàm lượng CaO ≥50%
	7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Phân chuồng	tấn	2,5	Hoai mục
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	20	
	3	Phân hữu cơ vi sinh	kg	375	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	4	Vôi bột	kg	178	Hàm lượng CaO ≥50%
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Phân chuồng	tấn	2,5	Hoai mục
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	20	
	3	Phân hữu cơ vi sinh	kg	375	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	4	Vôi bột	kg	78	Hàm lượng CaO ≥50%
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Phân chuồng	tấn	2,5	Hoai mục
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	20	
	3	Phân hữu cơ vi sinh	kg	375	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	4	Vôi bột	kg	78	Hàm lượng CaO ≥50%
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

17. Mô hình thâm canh sầu riêng hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Phân chuồng	tấn	3,75	Hoai mục
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	40	
3	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.250	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
4	Vôi bột	kg	156	Hàm lượng CaO ≥ 50%
5	Kali hữu cơ	kg	156	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

18. Mô hình trồng thâm canh hồng ghép không hạt theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	416	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	21	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	191	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	50	
	6	Phân chuồng	tấn	12,48	Hoai mục
	7	Vôi bột	kg	208	Hàm lượng CaO ≥ 50%
	8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	416	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	191	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	50	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	191	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	50	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	191	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	50	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

19. Mô hình trồng thâm canh giống nho mới theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	2.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	100	
	3	Cột bê tông	cột	800	Kích thước: cạnh vuông từ 12 - 15 cm, cao 1,6 - 2,0 m
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	220	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	7	Phân sinh học	lít	25	
	8	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥50%
	9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	220	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	320	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	420	
	4	Phân sinh học	lít	35	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	10	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2)	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 3)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	3	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

20. Mô hình thâm canh nho theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	320	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	360	
4	Phân sinh học	lít	40	
5	Túi bao quả	cái	50.000	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

21. Mô hình trồng thâm canh thanh long theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	3.330-4.440	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Trụ xi măng	trụ	1.110	Kích thước: cạnh từ 12 - 15 cm, cao 1,6 - 2,0 m
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	192	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	192	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	270	
	6	Phân sinh học	lít	25	
	7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	2	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	161	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	192	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	270	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	2	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	384	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	468	
	4	Phân sinh học	lít	35	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2)	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 3)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	3	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

22. Mô hình thâm canh thanh long theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	384	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	420	
4	Phân sinh học	lít	40	
5	Bả dự tính, dự báo	cái	15	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

23. Mô hình trồng thâm canh dứa cayen có che phủ nilon

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	chồi	50.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	chồi	1.000	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	552	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	256	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	1.080	
	6	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥50%
	7	Nilon	kg	160	
	8	Thuốc bảo vệ thực vật + trừ cỏ	kg(lít)	20	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	552	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	256	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	1.080	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	20	
	5	Đất đèn xử lý ra hoa	kg	80	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	2	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	2	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

24. Mô hình phòng trừ sâu bệnh hại trên dứa cayen

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	**Thuốc trừ sâu:**			
1.1	Trừ rệp sáp	kg(lít)	2	
1.2	Trừ tuyến trùng	kg(lít)	2	
2	**Thuốc trừ bệnh:**			
2.1	Trừ thối nõn	kg(lít)	3	
2.2	Trừ thối quả	kg(lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
2	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
3	Tổng kết	lần	1	1 ngày
4	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

25. Mô hình trồng thâm canh lạc tiên theo Vietgap

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	800	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	40	
	3	Cột bê tông	cột	800	
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	69	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	104	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	90	
	7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	8	Phân sinh học	lít	20	
	9	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥ 50%
	10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	150	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	650	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	150	
	4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	5	Phân sinh học	lít	25	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	5	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	92	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	120	
	4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	5	Phân sinh học	lít	30	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	3	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

26. Mô hình thâm canh cây lạc tiên

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống trồng mới	kg	850	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Giống trồng dặm	kg	43	
3	Phân chuồng	tấn	20	Hoai mục
4	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥50%
5	NPK 20-20-15	kg	1.870	
6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	685	
7	Đạm nguyên chất (N)	kg	196	
8	Phân bón lá	kg	3	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo, tổng kết	lần	1	1 ngày
4	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

27. Mô hình trồng thâm canh gấc

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống (giâm trong bầu bằng hom)	cây	400	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Cột bê tông	cột	800	
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	55	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	32	
5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	48	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

28. Mô hình trồng thâm canh chuối

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	2.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Giống trồng dặm	cây	100	
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	360	
6	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥50%
7	Túi bao buồng	túi	2.000	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	5	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

29. Mô hình trồng chuối hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	1.110	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Giống trồng dặm	cây	110	
3	Phân chuồng	tấn	16,5	Hoai mục
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	178	
5	Vôi bột	kg	700	Hàm lượng CaO ≥50%
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
7	Kali hữu cơ	kg	55	
8	Phân bón lá hữu cơ	kg(lít)	5	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	10	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

30. Mô hình canh tác cây bơ ghép

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1,2,3,4 (KTCB)	1	Giống trồng mới	cây	178	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	9	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	50	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	51	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	64	
	6	Phân chuồng	tấn	10	Hoai mục
	7	Vôi bột	kg	89	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	
Chăm sóc năm thứ 5 (KD)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	270	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	272	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	256	
	4	Phân chuồng	tấn	15	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	5	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3,4)	lần	4	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 5)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	5	1 năm tổng kết 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

31. Mô hình canh tác cây bơ ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1,2,3,4 (KTCB)	1	Giống trồng mới	cây	178	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	9	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	17	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	17	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	22	
	6	Phân chuồng	tấn	5,34	Hoai mục
	7	Vôi bột	kg	89	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	
Chăm sóc năm thứ 5 (KD)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	90	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	46	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	86	
	4	Phân chuồng	tấn	8,9	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	5	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3,4)	lần	4	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 5)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	5	1 năm tổng kết 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

32. Mô hình trồng xen cây bơ ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1,2,3,4 (KTCB)	1	Giống trồng mới	cây	100	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	5	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	9	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	10	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	12	
	6	Phân chuồng	tấn	3,0	Hoai mục
	7	Vôi bột	kg	50	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	5	
Chăm sóc năm thứ 5 (KD)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	110	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	80	
	4	Phân chuồng	tấn	5,0	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	5	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	5	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3,4)	lần	4	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 5)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	5	1 năm tổng kết 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

33. Mô hình trồng thâm canh bơ hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	178	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	9	
	3	Phân chuồng	tấn	3,56	Hoai mục
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	28	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
	6	Vôi bột	kg	90	Hàm lượng CaO ≥ 50%
Chăm sóc năm thứ 2	1	Phân chuồng	tấn	3,56	Hoai mục
	2	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	
	3	Vôi bột	kg	90	Hàm lượng CaO ≥ 50%
Chăm sóc năm thứ 3	1	Phân chuồng	tấn	3,56	Hoai mục
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	28	
	3	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2)	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 3)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

34. Mô hình thâm canh bơ hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Phân chuồng	tấn	7,12	Hoai mục
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	40	
3	Thuốc bảo vệ thực vật	kg(lít)	8	
4	Vôi bột	kg	178	Hàm lượng CaO ≥50%

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

V. Mô hình cây công nghiệp

1. Mô hình trồng thâm canh ca cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	1.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	50	
	3	Cây che bóng	cây	200	
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	170	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	138	
	7	Phân sinh học	lít	15	
	8	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥50%
	9	Thuốc trừ mối	kg (lít)	4	
	10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	170	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
	4	Phân sinh học	lít	15	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	207	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	207	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

2. Mô hình trồng thâm canh ca cao xen điều hoặc cây lâu năm khác

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	Điều + Cây ca cao:				
	1	Giống trồng mới	cây	600	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	30	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	138	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	67	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	108	
	6	Phân sinh học	lít	15	
	7	Vôi bột	kg	600	Hàm lượng CaO ≥50%
Chăm sóc năm thứ 2	Điều + Cây ca cao:				
	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	138	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	67	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	108	
	4	Phân sinh học	lít	15	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 3	Điều + Cây ca cao:				
	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	230	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
	4	Phân sinh học	lít	20	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	5	
Chăm sóc năm thứ 4	Điều + Cây ca cao:				
	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	230	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
	4	Phân sinh học	lít	20	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	5	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

3. Mô hình vườn ươm điều

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Hạt giống	kg	1.200	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Mắt ghép	mắt	150.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
3	Túi bầu	kg	500	
4	Đạm nguyên chất (N)	kg	92	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	128	
6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	120	
7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	4.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

4. Mô hình trồng thâm canh điều ghép

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	178	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	9	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	60	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	24	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	3	
	6	Phân chuồng	tấn	3,56	Hoai mục
	7	Vôi bột	kg	250	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	48	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	48	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	36	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	253	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	72	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 4	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	690	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	210	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	4	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

5. Mô hình trồng thâm canh hồ tiêu

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	bầu/hom	5.400	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	bầu/hom	270	
	3	Choái	cái/cây	1.800	
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	207	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	450	
	7	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO ≥50%
	8	Thuốc xử lý đất	kg	5	
	9	Thuốc trừ sâu	kg (lít)	3	
	10	Thuốc trừ bệnh	kg (lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	207	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	450	
	4	Phân sinh học	lít	15	
	5	Chế phẩm Trichoderma	kg	80	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	128	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	540	
	4	Phân sinh học	lít	25	
	5	Chế phẩm Trichoderma	kg	80	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	3	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

6. Mô hình thâm canh hồ tiêu

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	276	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	128	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	540	
4	Phân sinh học	lít	25	
5	Chế phẩm Trichoderma	kg	80	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

7. Mô hình thâm canh hồ tiêu xen cà phê

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	253	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	342	
4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	5.550	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
5	Vôi bột	kg	800	Hàm lượng CaO ≥ 50%
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

8. Mô hình thâm canh chè cành cao sản

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	9.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	450	
	3	Cây che bóng	cây	60	
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	391	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	128	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	129	
	7	Phân chuồng	tấn	10	Hoai mục
	8	Phân sinh học	lít	10	
	9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	460	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	152	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	153	
	4	Phân chuồng	tấn	10	Hoai mục
	5	Phân sinh học	lít	15	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	552	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	183	
	4	Phân chuồng	tấn	15	Hoai mục
	5	Phân sinh học	lít	305	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

9. Mô hình trồng chè hữu cơ thời kỳ kiến thiết cơ bản

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Cây giống	cây	16.700	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	1.670	
	3	Phân chuồng	tấn	20	Hoai mục
	4	Phân hữu cơ vi sinh	tấn	20	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
	5	Bột đá vôi	kg	600	
	6	Phân bón lá hữu cơ	kg (lít)	5	
	7	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, vi sinh	kg (lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Phân hữu cơ vi sinh	tấn	20	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
	2	Phân bón lá hữu cơ	kg (lít)	8	
	3	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, vi sinh	kg (lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Phân hữu cơ vi sinh	tấn	20	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
	2	Phân bón lá hữu cơ	kg (lít)	10	
	3	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, vi sinh	kg (lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	3	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

10. Mô hình trồng chè hữu cơ giai đoạn kinh doanh

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Phân hữu cơ vi sinh	tấn	30	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
2	Bột đá vôi	kg	600	
3	Bánh dầu	kg	2.500	
4	Phân bón lá hữu cơ	kg (lít)	20	
5	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, vi sinh	kg (lít)	5	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

11. Mô hình trồng tái canh cà phê chè

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	5.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	250	
	3	Cây che bóng	cây	200	
	4	Phân chuồng	tấn	34	Hoai mục
	5	Đạm nguyên chất (N)	kg	46	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	6	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	7	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	42	
	8	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥50%
	9	Thuốc xử lý mối	kg (lít)	4	
	10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	92	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	lít	4	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	184	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	210	
	4	Phân chuồng	tấn	10	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	3	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

12. Mô hình thâm canh cà phê chè

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	207	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	128	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
5	Vôi bột	kg	500	Hàm lượng CaO ≥50%
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo, tổng kết	lần	1	1 ngày
4	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

13. Mô hình trồng cà phê chè ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	5.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	250	
	3	Cây che bóng	cây	200	
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	95	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	175	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	40	
	7	Phân chuồng	tấn	100	Hoai mục
	8	Thuốc xử lý mối	kg (lít)	4	Hàm lượng CaO ≥50%
	9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	95	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	87	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	185	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	87	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	210	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	
Thời kỳ kinh doanh	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	279	Có thể sử dụng phân bón hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	116	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	4	Phân chuồng	tấn	100	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	4	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	4	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

14. Mô hình trồng mới cà phê chè hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	5.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	250	
	3	Cây che bóng	cây	200	
	4	Lân nung chảy	kg	1.500	
	5	Phân hữu cơ	tấn	50	Hoai mục
	6	Bột đá vôi	kg	1.000	
	7	Phân hữu cơ sinh học bón lá	lít	7	
	8	Thuốc trừ sâu vi sinh, sinh học	kg (lít)	3	
	9	Thuốc trừ bệnh sinh học	kg (lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2,3	1	Phân hữu cơ vi sinh	tấn	30	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
	2	Phân hữu cơ sinh học bón lá	lít	7	
	3	Thuốc trừ sâu vi sinh, sinh học	kg (lít)	3	
	4	Thuốc trừ bệnh sinh học	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	3	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	3	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

15. Mô hình chăm sóc cà phê chè sản xuất hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Phân chuồng hoai mục	tấn	40	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
2	Đá vôi	kg	600	
3	Phân hữu cơ sinh học bón lá	lít	10	
4	Thuốc trừ sâu vi sinh, sinh học	kg (lít)	3	
5	Thuốc trừ bệnh sinh học	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo, tổng kết	lần	1	1 ngày
4	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

16. Mô hình tái canh cà phê vối

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	bầu	1.110	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	bầu	56	
	3	Cây che bóng	cây	100	
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	60	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	88	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	42	
	7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	4.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	8	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥ 50%
	9	Thuốc xử lý mối, côn trùng	kg (lít)	10	
	10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	88	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	
	4	Phân bón lá	kg (lít)	4	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	130	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	88	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	120	
	4	Phân bón lá	kg (lít)	4	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1, 2, 3)	lần	3	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

17. Mô hình thâm canh cà phê vối

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	184	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	360	
4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
5	Vôi bột	kg	500	Hàm lượng CaO ≥ 50%
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

18. Mô hình ghép cải tạo cà phê vối

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Chồi ghép (3 chồi/gốc)	chồi	3.300	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Dây ghép	kg	2	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	239	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	6	Phân SA	kg	200	
	7	Phân vi sinh	kg	2.000	
	8	Phân chuồng	tấn	8	Hoai mục
	9	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	2	
	10	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	8	
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	239	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	112	
	4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	2	Phân SA	kg	200	
	5	Phân vi sinh	kg	2.000	
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	8	
	7	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	2	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

19. Mô hình trồng cà phê vối ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	1.110	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	55	
	3	Cây che bóng	cây	60	
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	60	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	60	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	30	
	7	Phân chuồng	tấn	20	Hoai mục
	8	Vôi bột	kg	555	CaO ≥ 50%
	9	Thuốc bảo vệ thực vật	kg/lít	3	
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	120	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	75	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	100	
	4	Phân chuồng	tấn	16	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg/lít	3	
Năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	149	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	90	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	130	
	4	Phân chuồng	tấn	16	Hoai mục
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg/lít	3	
Giai đoạn kinh doanh	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	278	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	3	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100	
	4	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	5	Phân chuồng	tấn	16	Hoai mục
	6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg/lít	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	4	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

20. Mô hình trồng mới cà phê vối hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	1.111	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	56	
	3	Đá vôi	kg	1.000	
	4	Photphat thiên nhiên	kg	555	
	5	Phân chuồng	tấn	33	Hoai mục
	6	Phân hữu cơ sinh học bón lá	kg (lít)	7	
	7	Thuốc trừ sâu vi sinh, sinh học	kg (lít)	3	
	8	Thuốc trừ bệnh sinh học	kg (lít)	3	
Năm thứ 2,3	1	Phân hữu cơ vi sinh	tấn	30	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	2	Phân hữu cơ sinh học bón lá	kg (lít)	7	
	3	Thuốc trừ sâu vi sinh, sinh học	kg (lít)	3	
	4	Thuốc trừ bệnh sinh học	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

21. Mô hình chăm sóc cà phê vối sản xuất hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Bột đá vôi	kg	600	
2	Phân chuồng	tấn	33	Hoai mục
3	Phân hữu cơ sinh học bón lá	lít	10	
4	Thuốc trừ sâu vi sinh, sinh học	kg (lít)	3	
5	Thuốc trừ bệnh sinh học	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

22. Mô hình trồng thâm canh giống dâu lai

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	2.000	
	3	Vôi bột	kg	1.000	Hàm lượng CaO ≥ 50%
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	140	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	150	
	7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.000	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	8	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	
Năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	230	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	130	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
	4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)		

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	2	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

23. Mô hình trồng thâm canh cao su

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT		Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
Năm thứ 1	1	Giống trồng mới	cây	600	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
	2	Giống trồng dặm	cây	30	
	3	Đạm nguyên chất (N)	cây	36	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	32	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	18	
	6	Phân sinh học	kg	10	
	7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	
	8	Thuốc trừ mối	kg (lít)	4	
Chăm sóc năm thứ 2	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	55	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	48	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	36	
	4	Phân sinh học	lít	15	
	5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	
Chăm sóc năm thứ 3	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	69	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	36	
	4	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	năm	3	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật (năm 1,2,3)	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo (năm 4)	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	3	1 năm tổng kết 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	01 người phụ trách

24. Mô hình chăm sóc vườn cao su kiến thiết cơ bản (năm thứ 4-6)

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	115	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	56	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	36	
4	Thuốc trừ cỏ	kg (lít)	4	
5	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	02 người phụ trách

25. Mô hình trồng thâm canh mía

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống trồng mới	kg	10.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Giống trồng dặm	kg	500	
3	Đạm nguyên chất (N)	kg	184	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	96	
5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	240	
6	Vôi bột	kg	700	Hàm lượng CaO $\geq$ 50%
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	4	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	1	

VI. Mô hình cây dược liệu và đặc sản

1. Mô hình trồng dâu tây ngoài trời

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	40.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân chuồng	tấn	50	Hoai mục
3	Vôi bột	kg	1.500	Hàm lượng CaO ≥ 50%
4	Đạm nguyên chất (N)	kg	100	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O nguyên chất tương ứng.
5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	120	
6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	120	
7	Boric	kg	80	
8	$MgSO_4$	kg	40	
9	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
10	Phân bón lá	kg (lít)	3	
11	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

2. Mô hình trồng dâu tây ứng dụng công nghệ cao

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Cây giống	cây	60.000-110.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Krista Calcinit $Ca(NO_3)_2$	kg	15.120	
3	Krista KNO_3	kg	1.500	
4	Iron Chelate (EDTA)	kg	165	
5	$MgSO_4$(15%)	kg	3.600	
6	MKP	kg	1.700	
7	KNO_3	kg	1.000	
8	K_2SO_4(18% S)	kg	4.120	
9	H_3BO_3(17,5%)	kg	86	
10	Copper chelate (EDTA) 15%	kg	6	
11	Zinc chelate (EDTA) 15%	kg	83	
12	Sodium molybdate 19,7%	kg	2	
13	Manganese chelate 15%	kg	140	
14	Phân bón lá	kg (lít)	5	
15	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	5	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	2	

3. Mô hình trồng cây diệp hạ châu

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	300.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	46	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỷ lệ quy đổi N nguyên chất tương ứng
3	Phân hữu cơ vi sinh	kg	1.500	Hàm lượng hữu cơ ≥ 15%
4	Phân NPK 15-15-15	kg	300	
5	Phân chuồng	tấn	15	Hoai mục
6	Phân bón lá	kg (lít)	3	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg (lít)	3	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	4	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 1ần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	

4. Mô hình trồng cây đương quy hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	cây	125.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân lân nung chảy	kg	500	
3	Bột đá vôi	kg	1.000	
4	Phân K_2CO_3	kg	130	
5	Phân chuồng	tấn	30	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	10.000	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, vi sinh	kg (lít)	6	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	12	CB chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 1ần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	2	

5. Mô hình trồng atiso hữu cơ

a) Phần vật tư mô hình

Tính cho 01 ha

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống atiso	cây	12.000	Đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở
2	Giống cây trồng xen (cải thảo)	cây	30.000	
3	Bột đá vôi	kg	500	
4	Phosphat thiên nhiên	kg	500	
5	Phân chuồng	tấn	40	Hoai mục
6	Phân hữu cơ vi sinh	tấn	43	Hàm lượng hữu cơ ≥15%
7	Thuốc bảo vệ thực vật sinh học, vi sinh	kg (lít)	8	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày cho 1 lần
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày cho 1 lần
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	2	

VII. NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH

1. Mô hình ứng dụng công nghệ thông minh IoT

a) Phần vật tư

Tính cho 01 hệ thống

STT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thiết bị điều khiển trung tâm	bộ	1	
2	Thiết bị giám sát độ ẩm đất, giá thể	bộ	4	
3	Thiết bị giám sát vi khí hậu nhà kính (nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng)	bộ	1	
4	Van điện từ phi 60 Aquanet	cái	10	
5	Bộ điều khiển dinh dưỡng	bộ	1	
6	Thiết bị quan trắc thời tiết	bộ	1	

b) Chi triển khai

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	hệ thống	3	